

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2021
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình
2. Bà Nguyễn Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tác Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Q, sinh năm 1978;

Nơi đăng ký thường trú: Số nhà AAA Trường Chinh, Khu phố Y, phường V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Nơi tạm trú: Tổ B, Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1975;

Nơi đăng ký thường trú: Tổ C, Ấp Z, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2020, các bản khai nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông H chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Tr, huyện V cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 14/01/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình thường hay xảy ra cãi vã, vợ chồng sống ly thân nhau từ giữa năm 2017 nhưng không thể hàn gắn. Nay bà Q và ông H

không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi nhận sự việc ngày 04/3/2021 bị đơn ông Hồ Ngọc H trình bày:

Ông và bà Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2014, thời gian chung sống không được bao lâu vợ chồng không thấy hạnh phúc. Nay bà Q yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Q khởi kiện ông Hồ Ngọc H yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Về quan hệ pháp luật: Bà Q yêu cầu ly hôn với ông H nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”.

Bị đơn ông Hồ Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014 ngày 14/01/2014; căn cứ các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa bà Q và ông H nảy sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ giữa năm 2017 đến khi Tòa án giải quyết việc ly hôn, trong thời gian ly thân ông bà không thể hàn gắn tình cảm. Tại bản tự khai ông H xác định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn với bà Q, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn giữa bà Q và ông H là có thật đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc ly hôn với ông H là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Q được ly hôn với ông Hồ Ngọc H.

Về con chung: Đương sự khai không có con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004833 ngày 14/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà Q đã nộp đủ án phí.

Bà Q có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Quang